

Bài 30. VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI VÀ THÔNG TIN LIÊN LẠC

1. Giao thông vận tải:

Phát triển khá toàn diện, gồm nhiều loại hình vận tải khác nhau.

a. Đường bộ (đường ô tô):

- Ngày càng được mở rộng và hiện đại hóa.
- Mạng lưới ô tô phủ kín các vùng.
- Hệ thống đường bộ Việt Nam đang hội nhập vào hệ thống đường bộ trong khu vực với các tuyến thuộc mạng đường bộ xuyên Á trên lãnh thổ Việt Nam.
- Các tuyến đường chính :
 - + Quốc lộ 1 : dài 2300 km từ cửa khẩu Hữu Nghị (Lạng Sơn) đến Năm Căn (Cà Mau). Là tuyến đường xương sống nối các vùng kinh tế (trừ Tây Nguyên) và hầu hết các trung tâm kinh tế lớn của cả nước.
 - + Đường Hồ Chí Minh : thúc đẩy sự phát triển kinh tế – xã hội của dải đất phía Tây (đang xây dựng).

b. Đường sắt:

- Tổng chiều dài 3143 km.
- Đường sắt Thống Nhất (Hà Nội – TP.HCM) dài 1726km, chạy dọc chiều dài đất nước, song song quốc lộ 1 tạo nên trục giao thông quan trọng theo hướng Bắc Nam.
- Các tuyến khác: Hà Nội – Hải Phòng, Hà Nội – Lào Cai, Hà Nội – Thái Nguyên, Hà Nội – Đồng Đăng, Lưu Xá – Kép – Ưông Bí – Bãi Cháy.
- Mạng lưới đường sắt xuyên Á đang được nâng cấp.

c. Đường sông:

Chỉ mới sử dụng khoảng 11.000 km đường sông vào mục đích giao thông. Chủ yếu tập trung trong một số hệ thống sông chính :

- + Hệ thống sông Hồng – Thái Bình.
- + Hệ thống sông Mê Kông – Đồng Nai.
- + Một số sông lớn ở miền Trung.

d. Ngành vận tải đường biển:

- Đường bờ biển dài 3260 km, nhiều vũng, vịnh rộng, kín gió, nhiều đảo, quần đảo ven bờ, nằm trên đường hàng hải quốc tếthuận lợi phát triển giao thông đường biển.
- Các tuyến đường biển ven bờ chủ yếu theo hướng Bắc – Nam. Quan trọng nhất là Hải Phòng – TP.HCM (1500 km).
- Các cảng biển và cụm cảng quan trọng: Hải Phòng, Cái Lân, Đà Nẵng – Liên Chiểu – Chân Mây, Dung Quốc, Nha Trang, Sài Gòn – Vũng Tàu – Thị Vải.

e. Đường hàng không:

- Là ngành non trẻ nhưng phát triển nhanh nhờ chiến lược táo bạo, nhanh chóng hiện đại hóa cơ sở vật chất.
- Năm 2007, cả nước có 5 sân bay quốc tế. Ba đầu mối chủ yếu: Hà Nội, TP. HCM, Đà Nẵng, ngoài ra còn mở nhiều đường bay quốc tế.

f. Đường ống:

- Ngày càng phát triển, gắn với sự phát triển ngành dầu khí.
- Gồm: ống dẫn dầu và ống dẫn khí.

2. Thông tin liên lạc:

Hai hoạt động chính là bưu chính và viễn thông.

a. Bưu chính:

- Đặc điểm:
 - + Tính phục vụ cao, với mạng lưới rộng khắp.
 - + Mạng lưới phân bố chưa hợp lí, công nghệ còn lạc hậu, quy trình nghiệp vụ mang tính thủ công, thiếu lao động có trình độ cao, chưa tương xứng tiêu chuẩn quốc tế.
- Hướng phát triển:

- + Cơ giới hóa, tự động hóa, tin học hóa nhằm đạt trình độ hiện đại.
- + Đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh để trở thành ngành kinh doanh hiệu quả.

b. Viễn thông:

- Phát triển với tốc độ nhanh vượt bậc, đón đầu các thành tựu kỹ thuật hiện đại của thế giới.
- Trước đổi mới: mạng lưới và thiết bị viễn thông cũ kỹ, lạc hậu. Những năm gần đây, tăng trưởng với tốc độ cao.
- Công tác nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học – kỹ thuật, công nghệ mới, hiện đại được chú trọng đầu tư.
- Mạng lưới viễn thông ở nước ta tương đối đa dạng và không ngừng phát triển:
 - + Mạng điện thoại: nội hạt, đường dài, cố định, di động.
 - + Mạng phi điện thoại: fax, mạng truyền trang báo trên kênh thông tin.
 - + Mạng truyền dẫn: mạng dây trần, mạng truyền dẫn Viba, truyền dẫn cáp sợi quang, mạng viễn thông quốc tế ... Mạng lưới viễn thông quốc tế ngày càng phát triển mạnh, hội nhập với thế giới qua thông tin vệ tinh và cáp biển. Số người sử dụng internet thuộc hạng cao ở châu Á.

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Điều kiện nào sau đây của vùng biển nước ta thuận lợi để phát triển giao thông vận tải biển?

- A. Có nhiều bãi tắm rộng, phong cảnh đẹp, khí hậu tốt.
- B. Các hệ sinh thái ven biển rất đa dạng và giàu có.
- C. Có nhiều sa khoáng với trữ lượng lớn.
- D. Nằm gần các tuyến hàng hải trên Biển Đông.

Câu 2: Cho bảng số liệu

CƠ CẤU KHÁCH QUỐC TẾ ĐẾN VIỆT NAM PHÂN THEO PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN NĂM 2005 và 2014

(Đơn vị: %)

Năm	2005	2014
Đường hàng không	67,1	78,1
Đường thủy	5,8	1,7
Đường bộ	27,1	20,2

Biểu đồ nào thể hiện thích hợp nhất cơ cấu khách quốc tế đến Việt Nam phân theo phương tiện vận chuyển năm 2005 và 2014?

- A. Biểu đồ kết hợp.
- B. Biểu đồ cột.
- C. Biểu đồ đường.
- D. Biểu đồ tròn.

Câu 3: Dựa vào bản đồ giao thông ở Atlas trang 23, tuyến đường sắt dài nhất nước ta là

- A. Hà Nội – Thái Nguyên.
- B. Hà Nội – Thành phố Hồ Chí Minh.
- C. Hà Nội – Lào Cai.
- D. Hà Nội – Hải Phòng.

Câu 4 : Dựa vào Atlas trang 23, Quốc lộ số 1 được bắt đầu từ tỉnh nào sau đây?

- A. Lạng Sơn.
- B. Cao Bằng.
- C. Hà Giang.
- D. Lào Cai.

Câu 5 : Dựa vào Atlas trang 28, cho biết quốc lộ số 1 không đi ngang qua tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Nam.
- B. Khánh Hoà.
- C. Bình Thuận.
- D. Lâm Đồng.

Câu 7: Ngành hàng không nước ta là ngành non trẻ nhưng có những bước tiến rất nhanh vì

- A. phong cách phục vụ chuyên nghiệp.
- B. thu hút được nguồn vốn lớn từ đầu tư nước ngoài.
- C. chiến lược phát triển táo bạo, cơ sở vật chất được hiện đại hoá.
- D. được nhà nước quan tâm đầu tư nhiều.

Câu 8: Đây là các cảng biển nước sâu của nước ta kể theo thứ tự từ Bắc vào Nam

- A. Vũng Áng, Nghi Sơn, Chân Mây, Dung Quất, Cái Lân.
- B. Cái Lân, Nghi Sơn, Vũng Áng, Chân Mây, Dung Quất.

- C. Nghi Sơn, Cái Lân, Vũng Áng, Chân Mây, Dung Quất.
D. Cái Lân, Vũng Áng, Nghi Sơn, Dung Quất, Chân Mây.

Câu 9: Đây là hai thành phố được nối với nhau bằng đường sắt

- A. Hải Phòng - Hạ Long. B. Vũng Tàu - Thành phố Hồ Chí Minh.
C. Đà Lạt - Đà Nẵng. D. Hà Nội - Thái Nguyên.

Câu 10: Đây là một trong những đặc điểm của mạng lưới đường ô tô của nước ta

- A. mật độ thuộc loại cao nhất khu vực. B. hơn một nửa đã được trải nhựa.
C. về cơ bản đã phủ kín các vùng. D. chủ yếu chạy theo hướng Bắc - Nam.

Câu 11: Đường quốc lộ 1A không đi qua thành phố này

- A. Cần Thơ. B. Việt Trì. C. Thanh Hoá. D. Biên Hoà.

Câu 12: Hạn chế lớn nhất của ngành vận tải đường sông của nước ta là

- A. chỉ phát triển chủ yếu ở Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.
B. bị hiện tượng sa bồi và sự thay đổi thất thường về độ sâu luồng lạch.
C. lượng hàng hoá và hành khách vận chuyển ít, phân tán.
D. sông ngòi có nhiều ghềnh thác, chảy chủ yếu theo hướng tây bắc - đông nam.

Câu 13: Từ Bắc vào Nam, đường quốc lộ 1A đi qua lần lượt các tỉnh thành

- A. Hà Nam, Hà Tĩnh, Bắc Giang, Cần Thơ, An Giang.
B. Bắc Giang, Hà Nam, Hà Tĩnh, Đồng Nai, Cần Thơ.
C. Hà Tĩnh, Hà Nam, Bắc Giang, Đồng Nai, Cần Thơ.
D. Bắc Giang, Phú Thọ, Thái Bình, Hà Tĩnh, Đồng Nai.

Câu 14: Trong định hướng phát triển thông tin liên lạc, nước ta cần ưu tiên xây dựng và hiện đại hóa mạng thông tin

- A. cấp quốc gia. B. cấp vùng. C. cấp tỉnh (thành phố). D. quốc tế.

Câu 15: Dựa vào bảng số liệu sau đây

KHỐI LƯỢNG HÀNG HOÁ VẬN CHUYỂN CỦA NƯỚC TA PHÂN THEO LOẠI HÌNH VẬN TẢI (Đơn vị: nghìn tấn)

Loại hình \ Năm	1990	1995	2000	2005
	Đường ô tô	54 640	92 255	141 139
Đường sắt	2 341	4 515	6 258	8 838
Đường sông	27 071	28 466	43 015	62 984
Đường biển	4 358	7 306	15 552	33 118

Nhận định nào chưa chính xác ?

- A. Đường sông là ngành có tỉ trọng lớn thứ hai nhưng là ngành tăng chậm nhất.
B. Đường biển là ngành có tốc độ tăng nhanh nhất nhờ có nhiều điều kiện thuận lợi.
C. Đường ô tô là ngành có tỉ trọng cao nhất và tăng nhanh nhất trong các loại hình.
D. Đường sắt luôn chiếm tỉ trọng thấp nhất vì cơ sở vật chất còn nghèo và lạc hậu.

Câu 16: Đây là một cảng sông nhưng lại được xem như một cảng biển

- A. Sài Gòn. B. Vũng Tàu. C. Nha Trang. D. Đà Nẵng.

Câu 17: Loại hình giao thông vận tải thuận lợi nhất để nước ta giao lưu với các nước trong khu vực Đông Nam Á là

- A. đường bộ. B. đường sông.
C. đường biển. D. đường hàng không.

Câu 18: Tuyến giao thông vận tải quan trọng nhất ở nước ta hiện nay là

- A. đường sắt Thống Nhất. B. quốc lộ 1A.
C. đường biển. D. tuyến Bắc - Nam.

Câu 19: Hướng chuyên môn hóa vận tải hàng hóa và hành khách của giao thông vận tải đường thủy nước ta thể hiện rõ nhất ở vùng

A. Đồng bằng sông Hồng.
C. Đông Nam Bộ.

B. Bắc Trung Bộ.
D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 20: Trong các loại hình vận tải, thì giao thông vận tải đường bộ (ô tô) ở nước ta

- A. có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất.
- B. chiếm ưu thế cả về khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển.
- C. phát triển không ổn định.
- D. Có trình độ kỹ thuật và công nghệ cao nhất.

Câu 21: Loại hình vận tải có vai trò không đáng kể về vận chuyển hành khách của nước ta là

- A. đường ô tô, đường sắt, đường sông, đường hàng không.
- B. đường sắt, đường sông, đường hàng không.
- C. đường sông, đường hàng không, đường biển.
- D. đường biển.

Câu 22: Các cảng lớn của nước ta xếp theo thứ tự từ Nam ra Bắc là

- A. Cái Lân, Hải Phòng, Cửa Lò, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang, Sài Gòn, Cần Thơ.
- B. Sài Gòn, Cần Thơ, Đà Nẵng, Nha Trang, Quy Nhơn, Vinh, Cái Lân, Hải Phòng.
- C. Trà Nóc, Sài Gòn, Nha Trang, Quy Nhơn, Đà Nẵng, Cửa Lò, Hải Phòng, Cái Lân.
- D. Cam Ranh, Dung Quất, Liên Chiểu, Chân Mây, Vũng Áng, Nghi Sơn.

Câu 23: Sân bay đang hoạt động ở Bắc Trung Bộ là

- A. Huế, Đà Nẵng, Phú Bài, Chu Lai, Phù Cát.
- B. Đà Nẵng, Phú Bài, Phù Cát, Chu Lai.
- C. Phú Bài, Chu Lai, Vinh.
- D. Vinh, Phú Bài.

Câu 24: Sân bay nội địa đang hoạt động ở Duyên hải Nam Trung Bộ xếp theo thứ tự từ bắc vào nam là

- A. Huế, Đà Nẵng, Chu Lai, Phù Cát, Đông Tác, Cam Ranh.
- B. Đà Nẵng, Chu Lai, Phù Cát, Đông Tác, Cam Ranh.
- C. Chu Lai, Phù Cát, Đông Tác, Cam Ranh.
- D. Phù Cát, Đông Tác, Nha Trang, Cam Ranh.

Câu 25: Về điện thoại quốc tế, hiện nay nước ta có các cửa chính để liên lạc trực tiếp là

- A. Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.
- B. Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng.
- C. Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ.
- D. Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ, Bình Dương.